TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2018/HSST
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Thanh Bình;

- Ông Sái Văn Trọng.

Thư ký phiên toà: Bà Khổng Phương Thùy – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/QĐXXST-HS ngày 19/01/2018 đối với bị cáo:

Hoàng Thị T, sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm G, xã Phù Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Ư; có chồng là Lê Văn Q (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2017 đến ngày 22/12/2017 được tại ngoại (có mặt).

Người bị hại: Chị Trần Thị C, sinh năm 1999; trú tại: Ngõ 7, Vinh T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/10/2017, Hoàng Thị T đến phòng trọ của chị Trần Thị C ở ngõ 7, Vinh T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc chơi (T và C là bạn bè làm cùng Công ty Partron Vina ở khu công nghiệp Khai Quang). Khoảng 10 phút sau, T hỏi C cho mượn son môi, vừa hỏi C xong T tự ý lấy túi sách cá nhân của C để ở trên giường và mở túi ra để tìm son môi. Khi mở túi sách của C ra T nhìn thấy bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) và một số đồ dùng cá nhân của C , không tìm thấy son môi T đóng túi sách của C lại và để vào vị trí cũ.

Sau đó C mang quần áo ra ngoài giặt, T cũng đi theo ra ngoài nói chuyện một lúc rồi quay lại phòng trọ của C để lấy áo về đi làm. Khi vào trong phòng trọ, quan sát xung quanh thấy không có ai, T đã nảy sinh ý định lấy chiếc thẻ ATM của C để trong túi sách để rút tiền trong tài khoản ngân hàng của C (do trước đó, ngày 21/9/2017 C đã nhờ T hướng dẫn đổi mật khẩu của thẻ nên T biết mật khẩu thẻ ATM của C là 241199, T mở túi sách và lấy thẻ ATM của C rồi về Công ty làm việc. Đến 07 giờ sáng ngày 13/11/2017, T tan ca làm việc đi ra ngoài thì gặp C , C có nói với T về việc bị mất thẻ ATM rồi đi vào công ty làm việc còn T ra về. Sau đó, T có lấy điện thoại và nhắn tin cho C bảo mất thẻ thì ra ngân hàng bảo mất để làm lại, đừng khóa thẻ mục đích để C không khóa tài khoản, vì nếu khóa T sẽ không thể rút tiền trong tài khoản của C được. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T đưa bạn tên Thùy (T không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể của Thùy) về xã Hoàng Lâu, huyện Tam Dương ăn cưới sau đó T để Thùy ở lại đó và điều khiển xe về thành phố Vĩnh Yên. Trên đường đi T nhận được tin nhắn của ngân hàng BIDV thông báo thanh toán lương tháng 9/2017. Lúc này T biết tài khoản trong thẻ ATM của C cũng đã có tiền lương tháng 9/2017 chuyển về. T đi xe máy một mình đến cây ATM đặt tại cổng Công ty giày da ở vườn Chùa, xã Hoàng Lâu, huyện Tam Dương để rút tiền. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T tới nơi mở cửa đi vào bên trong lấy thẻ ATM của C cho vào cây rồi bấm mật khẩu 241199 và rút tiền lần đầu được 3.000.000đ. Sau đó, C nhận được tin nhắn tài khoản bị trừ 3.000.000đ nên có nghi ngờ và gọi điện thoại cho T nhưng T không nghe máy và bấm tiếp lần thứ 2 rút được 3.000.000đ, C lại tiếp tục gọi điện thoại nhưng T vẫn không nghe rồi rút tiếp lần thứ 3 được 300.000đ. Tổng số tiền T chiếm đoạt trong tài khoản của C là 6.300.000đ. Sau khi rút được tiền, T đã vứt bỏ chiếc thẻ ATM vào đống rác trước cửa cây ATM rồi dùng 5.700.000đ trả nợ cho một người nam giới tên Thắng (T không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể của Thắng ở đâu), số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 09 giờ 50 phút ngày 16/10/2017, chị Trần Thị C đã đến Công an phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc trình báo về việc chị bị mất 01 thẻ ATM sau đó bị rút số tiền 6.300.000đ trong tài khoản. Qua rà soát, xác minh Cơ quan điều tra đã triệu tập Hoàng Thị T đến làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tang vật thu giữ: 01 chiếc áo khoác bò nữ màu xanh là chiếc áo T mặc khi vào cây ATM để rút tiền .

Tại Cáo trạng số: 07/KSĐT-KT ngày 10/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Hoàng Thị T về tội "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại chị Trần Thị C quá trình điều tra khai nhận: Ngày 16/10/2017 chị phát hiện bị mất trộm thẻ ATM và bị rút tiền trong tài khoản tổng số tiền là 6.300.000đ, chị đã trình báo cơ quan Công an. Quá trình điều tra cơ quan Công an đã phát hiện Hoàng Thị T (là bạn làm cùng Công ty với chị) đã trộm cắp thẻ ATM của chị và chiếm đoạt số tiền 6.300.000đ. Sau khi sự việc bị phát hiện Hoàng Thị T đã xin lỗi chị và tự nguyện bồi thường trả chị số tiền 6.300.000đ. Nay chị không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Hoàng Thị T (bút lục 59 đến bút lục 68).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b,p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại bị cáo T 01 chiếc áo khoác bò màu xanh.

Bị cáo Hoàng Thị T không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 12/07/2017, tại phòng trọ của chị Trần Thị C tại ngõ 7 đường Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Hoàng Thị T đã lấy của chị C 01 thẻ ATM mục đích để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chị C , đến khoảng 17 giờ ngày 13/10/2017 tại cây ATM của ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) ở cổng Công ty giày da ở vườn Chùa, xã Hoàng Lâu, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, Hoàng Thị T đã sử dụng mật khẩu "241199" đăng nhập trái phép vào tài khoản của chị C rồi thực hiện giao dịch rút tiền, chiếm đoạt số tiền 6.300.000 đồng trong tài khoản của chị C .

Hành vi của Hoàng Thị T đã cấu thành tội *"Sử dụng mạng máy tính, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a, khoản 1, Điều 226b của Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 1 Điều 226b của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và điểm b, khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung thì các điều, khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn...và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với người phạm tội đang bị điều tra, truy tố, xét xử. Theo quy định này, hành vi của Hoàng Thị T sử dụng thông tin về tài khoản và thẻ ngân hàng của chị Trần Thị C để chiếm đoạt số tiền 6.300.000đ trong tài khoản của chị C đã phạm vào tội: "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi và bổ sung năm 2017).

Do khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi và bổ sung năm 2017) là "cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm" thấp hơn khung hình phạt của điểm a, khoản 1, Điều 226b của Bộ luật Hình sự năm 1999 là "phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm", nên cần áp dụng quy định có lợi để xét xử Hoàng Thị T theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo phạm tội theo điểm a khoản 1 điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trong vụ án này, chỉ vì hám lợi bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác với mục đích tư lợi cá nhân.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: "Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn". Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,h,g,p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra còn xem xét đến tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là "Người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo".

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng.

Xét thấy, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng; được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào; việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là không cần thiết. Do đó, cần cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trần Thị C đã nhận đủ số tiền 6.300.000đ do bị cáo bồi thường, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và đối với 01 chiếc thẻ ATM mang tên Trần Thị C do Ngân hàng đầu tư và phát triển cấp có số tài khoản 42510000932817 là tài sản của chị Trần Thị C, sau khi rút được tiền, T đã vứt bỏ. C không yêu cầu T phải trả lại chị chiếc thẻ trên. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc áo khoác bò màu xanh là tài sản của bị cáo Hoàng Thị T, do đó cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 226b; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng về tội: "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*"; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 2 điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị T 01 chiếc áo khoác bò màu xanh.

(Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2018).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Dung